

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ DĨ AN  
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2018/HS-ST  
Ngày 31-01-2018

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ DĨ AN TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Thắm.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Châu Hồng Nga.
2. Ông Nguyễn Chí Tâm.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Ngân, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An tham gia phiên tòa:** Ông Trần Trọng An - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 01 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 01/2018/TLST-HS ngày 09 tháng 01 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2018/QĐXXST-HS ngày 19 tháng 01 năm 2018 đối với bị cáo:

Lê Văn T, sinh năm 1979 tại tỉnh K; thường trú: Không; chỗ ở hiện nay: Không nơi cư trú ổn định; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 02/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; con ông Lê Minh T (đã chết), mẹ (không rõ); bị cáo có 01 người chị ruột sinh năm 1973; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án: Ngày 12/4/2007 Tòa án nhân dân quận T, Thành phố H xử phạt 12 tháng tù về Tội trộm cắp tài sản; Ngày 06/6/2016 Tòa án nhân dân quận T, Thành phố H xử phạt 12 tháng tù về Tội trộm cắp tài sản; tiền sự: Không; bị bắt tạm giam ngày 14/9/2017. Có mặt.

**- Người bị hại:** Phạm Thị L, sinh năm 1993; địa chỉ: 171/56 khu phố Y, phường A, thị xã D, tỉnh B. Có đơn xin giải quyết vắng mặt.

**- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Nguyễn Viết X, sinh năm 1986; địa chỉ: 13, đường 14, khu phố C, phường B, quận T, Thành phố H. Có đơn xin giải quyết vắng mặt.

**- Người làm chứng:** Chương Minh T, sinh năm 1987; địa chỉ: 171/56 khu phố Y, phường A, thị xã D, tỉnh B. Vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lê Văn T là đối tượng sống lang thang không có đăng ký hộ khẩu thường trú, không nghề nghiệp. Do có ý định chiếm đoạt tài sản từ trước nên khoảng 18 giờ ngày 14/9/2017 T đi bộ ra cầu vượt L về hướng khu phố Y, phường A, thị xã D, tỉnh B để tìm tài sản chiếm đoạt. Khi T đi đến dãy phòng trọ số 171/56 khu phố Y, phường A, thị xã D, tỉnh B thì nhìn thấy phòng trọ số 22 không đóng cửa, bên trong phòng có 01 điện thoại di động để bên cạnh chiếc nệm cách cửa phòng khoảng 01m. Quan sát không thấy người, T đi vào phòng trọ số 22 lấy 01 điện thoại di động hiệu Samsung J7 Prime màu vàng nhạt của chị Phạm Thị L.

Sau khi chiếm đoạt được điện thoại, T đem đến tiệm điện thoại X.T tại số 13, đường số 14, khu phố C, phường B, quận T, Thành phố H bán cho anh Nguyễn Viết X được số tiền 2.000.000 đồng. T tiêu xài hết 420.000 đồng, còn lại 1.580.000 đồng. Đến 23 giờ 30 phút cùng ngày, lực lượng tuần tra Công an phường A, thị xã D, tỉnh B phát hiện T đang ngồi uống rượu một mình dưới chân cầu vượt S nên đã mời T về trụ sở làm việc, tại đây T đã đầu thú về hành vi phạm tội của mình và giao nộp số tiền còn lại là 1.580.000 đồng.

Theo bản kết luận định giá số 253/BB.ĐG ngày 22/9/2017 của Hội đồng định giá thị xã D, tỉnh B xác định tài sản bị chiếm đoạt là điện thoại di động hiệu Samsung J7 Prime của chị Phạm Thị L tại thời điểm bị chiếm đoạt có giá trị là 4.000.000 đồng.

Đối với anh Nguyễn Viết X mua điện thoại của Lê Văn T nhưng không biết đây là tài sản do phạm tội mà có nên Cơ quan cảnh sát điều tra công an thị xã D không xử lý.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người bị hại không có ý kiến hay khiếu nại gì về kết luận định giá số 253/BB.ĐG ngày 22/9/2017 của Hội đồng định giá thị xã D nêu trên.

Tại Cáo trạng số 25/QĐ - KSĐT ngày 08 tháng 01 năm 2018, Viện Kiểm sát nhân dân thị xã D, tỉnh B truy tố bị cáo Lê Văn T về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Tại phiên tòa, trong phần tranh luận đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã D giữ nguyên quyết định truy tố. Sau khi phân tích tính chất và hậu quả của vụ án đối với người bị hại và xã hội, đề nghị Hội đồng xét xử vận dụng các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo như: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tài sản bị chiếm đoạt đã thu hồi, giao trả cho người bị hại; sau khi phạm tội bị cáo đã tự thú về hành vi phạm tội của mình. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm g khoản 2 Điều 173; điểm h, r, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 đề nghị xử phạt bị cáo Lê Văn T mức án từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù. Về trách nhiệm dân sự: Tài sản bị chiếm đoạt đã thu hồi trả lại cho người bị hại, hiện bị hại đã nhận lại tài sản, tại cơ quan điều tra người bị hại không có yêu cầu gì khác, nên không đặt ra. Tại bản tự khai ngày 23/01/2018, anh Nguyễn Viết X chỉ yêu cầu bị cáo Lê Văn T bồi thường cho anh số tiền 1.580.000 đồng, nên đề nghị tuyên trả lại cho anh Nguyễn Viết X số tiền 1.580.000 đồng.

Tại phiên tòa, bị cáo, đại diện Viện Kiểm sát không có ý kiến tranh luận. Trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án, bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:**

[1] Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thị xã D, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân thị xã D, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng; người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng không khiếu nại gì. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo Lê Văn T thừa nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung Cáo trạng truy tố của Viện Kiểm sát nhân dân thị xã D. Bị cáo khai nhận: Khoảng 18 giờ 30 phút ngày 14/9/2017, tại phòng số 22 ở dãy phòng trọ số 171/56 khu phố Y, phường A, thị xã D, tỉnh B, Lê Văn T đã có hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản là 01 điện thoại di động hiệu Samsung J7 Prime của chị Phạm Thị L.

Như vậy, hành vi bị cáo T lén lút chiếm đoạt tài sản là 01 điện thoại di động hiệu Samsung J7 Prime của chị Phạm Thị L có trị giá 4.000.000 đồng đã đủ yếu tố cấu thành tội Trộm cắp tài sản. Ngày 12/4/2007 Tòa án nhân dân quận T, Thành phố H xử phạt 12 tháng tù về Tội trộm cắp tài sản; Ngày 06/6/2016 Tòa án nhân dân quận T, Thành phố H xử phạt 12 tháng tù về Tội trộm cắp tài sản, bị cáo chưa được xóa án tích, lại phạm tội mới là “tái phạm nguy hiểm”. Theo quy định tại Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017:

1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

a) Đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi chiếm đoạt tài sản mà còn vi phạm;

...

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:

a) Có tổ chức;

b) Có tính chất chuyên nghiệp;

....

g) Tái phạm nguy hiểm.

Do đó, Cáo trạng số 25/QĐ- KSĐT ngày 08 tháng 01 năm 2018 của Viện Kiểm sát nhân dân thị xã D, tỉnh B và luận tội của Kiểm sát viên, truy tố bị cáo Lê

Văn T về tội “Trộm cắp tài sản” với tình tiết định khung “Tái phạm nguy hiểm” theo điểm g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật. Bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự.

[3] Tính chất, mức độ của hành vi: Tội phạm do bị cáo Lê Văn T thực hiện tuy là ít nghiêm trọng nhưng đã trực tiếp xâm phạm quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của người bị hại, gây mất trật tự trị an tại địa phương. Bị cáo là người đã thành niên nhận thức rõ hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, nhưng vì tham lam tư lợi đã cố tình thực hiện. Bị cáo phạm tội trong trường hợp nhân thân đã có Bản án số 60/2017/HSST ngày 12/4/2007 của Tòa án nhân dân quận T, Thành phố H xử phạt 01 năm tù về tội trộm cắp tài sản và Bản án số 247/2016/HSST ngày 06/6/2016 của Tòa án nhân dân quận T, Thành phố H xử phạt 01 năm tù về tội trộm cắp tài sản, bị cáo chưa được xóa án tích, nay lại tiếp tục phạm tội mới. Vì vậy, cần xử phạt bị cáo một mức án nghiêm khắc tương xứng với tính chất mức độ hành vi phạm tội và nhân thân của bị cáo; cần thiết phải tiếp tục cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để cải tạo giáo dục bị cáo và đáp ứng yêu cầu phòng ngừa chung. Tuy nhiên, khi lượng hình có xét đến các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo đủ để giáo dục, cải tạo và có tác dụng đấu tranh phòng ngừa chung.

[4] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Lê Văn T không có.

[5] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo được xem xét khi quyết định hình phạt: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo đã có thái độ thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải; tài sản đã thu hồi trả lại cho người bị hại và sau khi phạm tội đã tự thú về hành vi phạm tội của mình nên khi lượng hình cũng cần áp dụng điểm r, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017, để giảm một phần hình phạt cho bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Tài sản bị chiếm đoạt đã thu hồi trả lại cho người bị hại, tại cơ quan điều tra người bị hại không yêu cầu gì khác nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Đối với anh Nguyễn Viết X khi mua điện thoại của Lê Văn T không biết đây là tài sản do phạm tội mà có và anh X đã tự nguyện giao nộp điện thoại di động hiệu Samsung J7 Prime để trả lại cho chị L. Tại bản tự khai ngày 23/01/2018, anh Nguyễn Viết X yêu cầu bị cáo giao trả lại số tiền còn lại là 1.580.000 đồng.

[8] Đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[9] Án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo Lê Văn T phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Tuyên bố bị cáo Lê Văn T phạm tội Trộm cắp tài sản.

Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173; điểm r, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Lê Văn T 02(hai) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 14/9/2017.

2. Về xử lý vật chứng:

Áp dụng Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015:

Trả lại cho anh Nguyễn Viết X số tiền 1.580.000 đồng theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 12/01/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã D.

3. Về án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Lê Văn T phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

**Nơi nhận:**

- VKSND thị xã;
- Công an thị xã;
- Chi cục THA dân sự thị xã;
- Trại tạm giam CA tỉnh BD;
- TAND tỉnh BD;
- UBND phường Dĩ An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương;
- Phòng PV 27 CA tỉnh BD;
- Phòng PC 81 CA tỉnh BD;
- Bị cáo;
- Người bị hại;
- Người liên quan;
- Sở tư pháp tỉnh Bình Dương;
- Lưu: VT, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Thị Thắm**

